

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/DS - ST

Ngày: 08/8/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Phượng

2. Ông Thạch Phới

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 452/2023/TLST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2023 Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Thông báo về việc tiếp tục tiến hành phiên tòa số 67/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thạch T, sinh năm 1971 (còn có tên gọi khác là Thạch T1, có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Sơn Thị C, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thạch H, sinh năm 1959 (Có mặt);

2. Bà Thạch Thị D, sinh năm 1963 (còn có tên gọi khác Thạch Thị D1, có mặt);

3. Bà Thạch Thị N, sinh năm 1963 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Thạch T (còn có tên gọi khác là Thạch T1) là nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/3/2021 bà C có vay của ông số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 5.000.000đồng/tháng. Thời hạn vay là 10 tháng. Từ khi vay đến nay bà C đã đóng lãi được 5.000.000 đồng và 319kg lúa (giá lúa tại thời điểm giao là 6.200đồng/kg) thì ngưng đóng lãi và cũng không trả vốn. Khi vay bà C có giao cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là giấy CNQSD đất) đứng tên bà C để tạo niềm tin. Sau đó, bà C đến gặp ông để xin nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình và thế chấp cho ông T giấy CNQSD đất đứng tên ông Thạch H (là cậu ruột bà C). Vì tin tưởng bà C nên ông đã giao lại cho bà C giấy CNQSD đất đứng tên bà C mà nhận giấy CNQSD đất đứng tên ông H nhưng không hỏi rõ lại ông H. Đến khi bà C không trả nợ cho ông thì ông mới biết bà C đã gạt ông.

Nay ông yêu cầu bà Sơn Thị C1 trả cho ông số tiền vốn là 100.000.000 đồng và không yêu cầu bà C1 trả lãi.

Bị đơn bà Sơn Thị C vắng mặt nhưng không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị D (còn có tên gọi khác là Thạch Thị D1) trình bày: Bà là vợ ông T, số tiền 100.000.000 đồng do ông T cho bà C vay là tiền của vợ chồng tiền chung của tôi và ông T. Nay bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Thạch T, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai: Bà là mẹ của bà C, bà không có vay tiền của ông T nên bà không có ký tên vào tờ vay tiền, việc bà C có vay tiền của ông T hay không thì bà không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch H có lời khai: Ông là cậu ruột của bà C, trước đây bà C có đến gặp ông để mượn giấy CNQSD đất của ông để đi làm thủ tục tách một phần đất của bà C thuộc thửa 598, diện tích 2070m² do ông đứng tên. Vì ông tin tưởng cháu nên ông đã giao giấy CNQSD đất cho C đi làm thủ tục tách thửa. Thời gian sau ông có liên hệ với C để đòi lại giấy CNQSD đất nhưng C bảo chưa làm giấy xong, sau đó ông nghe ông T nói bà C đã thế chấp giấy CNQSD đất của ông cho ông T để vay tiền. Vì chổ cháu cháu nên ông để cho C làm có tiền trả nợ cho người ta rồi chuộc lại giấy CNQSD đất trả lại ông (nếu như Chúc có vay tiền của ông T). Trong vụ án này ông H không yêu cầu ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử đất.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Ông Thạch T yêu cầu buộc bà Sơn Thị C trả số tiền vay 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì ông T có cung cấp cho Tòa án một “*Tờ vay tiền*” đề ngày 26/3/2021 có chữ ký và ghi họ tên của bà C. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà C vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà C (do mẹ ruột là bà N nhận thay và cam kết giao lại cho bà C). Do đó, bà C đã biết được nội dung đơn khởi kiện của ông T, việc bà C không có ý kiến phản hồi, cũng như không tham gia phiên tòa để phản bác lại đối với yêu cầu khởi kiện của ông T coi như bà C đã từ bỏ quyền lợi của mình và trốn tránh thực hiện nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Thạch T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch T. Buộc bà Sơn Thị C trả cho ông Thạch T số tiền vay là 100.000.000 đồng. Về lãi suất, ông T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ông Thạch T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Sơn Thị C trả cho ông T số tiền vốn là 100.000.000 đồng nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Mặt khác, bà C có hộ khẩu thường trú tại Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh là đúng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Sơn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C và bà N là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét thấy ông T yêu cầu bà C trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Đồng thời, ông T cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cho Tòa là “*Tờ vay tiền*” ghi ngày 26/3/2021 có ghi rõ họ tên, năm sinh và địa chỉ cụ thể của bà Sơn Thị C với số tiền bà C vay là 100.000.000 đồng; có chữ ký và

ghi rõ họ tên của bà C. Đối với bà C từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bà C do mẹ ruột là bà Thạch Thị N nhận thay và cam kết có thông báo cho bà C; bà N có cho bà C biết việc ông T kiện bà C. Do đó, bà C đã biết được nội dung ông T khởi kiện mình. Tuy nhiên, bà C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án. Từ đó, cho thấy bà C cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ vay cho ông T. Từ phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T đòi bà C phải trả số tiền vay 100.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận. Do ông T không yêu cầu bà C trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ngoài ra, trong “Tờ vay tiền” ghi ngày 26/3/2021 còn ghi thêm tên bà Thạch Thị N là mẹ bà C cùng bà C nhận vay tiền của ông T nhưng ông T không yêu cầu bà N cùng bà C trả nợ này, vì “Tờ vay tiền” ghi ngày 26/3/2021 do bà C tự viết và viết luôn họ tên của bà N là mẹ bà C cùng vay tiền nhưng thực chất ông T chỉ cho một mình bà C vay tiền, không có cho bà N vay. Việc này bà N cũng xác nhận là bà không có vay tiền của ông T. Do đó, ông T chỉ khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền 100.000.000 đồng cho ông T là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng đã nộp.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Thạch T (còn có tên gọi khác là Thạch T1).

Buộc bà Sơn Thị C trả cho ông Thạch T (còn có tên gọi khác là Thạch T1) số tiền vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Sơn Thị C phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Thạch T không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông Thạch T số tiền tạm ứng đã dự nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017650 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai